

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 9 - 2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn S

2. Ông Mai Văn Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Trường Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXX-ST ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1993.

Trú tại: Tổ 53 Khái T, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Có mặt;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Xuân Phương: Luật sư của Công ty luật TNHH MTV KPK- Chi nhánh Đà Nẵng, địa chỉ: số 09 đường Chu Cẩm Phong, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1990.

Trú tại: Tổ 53 Khái T, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2022, bản trình bày và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và ông Trần Văn H kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Phú Vinh, xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Đến năm 2017 hai vợ chồng cùng hai con ra tạm trú tại tổ 53 Khái T, phường hòa Quý, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do cả hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống nên cuộc sống dần dần rạn nứt tình cảm, hiện nay hai bên không còn tình cảm, không còn phù hợp nhau về mọi mặt nên tôi đã đưa con đi thuê nhà ở riêng từ tháng 3/2022 đến nay.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần Văn H.

- **Về quan hệ con chung:** Chúng tôi có hai con chung tên Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 28/3/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 27/10/2013. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và bà Nguyễn Thị Kim T kết hôn với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thôn Phú Vinh, xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Đến năm 2017 hai vợ chồng cùng hai con ra tạm trú tại tổ 53 Khái T, phường hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau thình thoảng có xả ra cãi vã nhau chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng.

Nay bà T xin ly thì tôi không đồng ý ly hôn, vì tôi vẫn còn tình cảm với bà T và các con đang còn nhỏ nên tôi muốn trở về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

- **Về quan hệ con chung:** Chúng tôi có hai con chung tên Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 28/3/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 27/10/2013. Nếu ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Chúng tôi tự giải quyết.

- **Về nợ chung:** Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời những người tham gia tố tụng cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông Trần Văn H đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Trần Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Văn H.

Về con chung: Giao hai con Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 28/3/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 27/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn H vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn H kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hà, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam,

hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là đôi hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn theo khai nại của bà Tiên là do cả hai vợ chồng không hợp nhau về tính cách cũng như quan điểm sống nên cuộc sống dần dần rạn nứt tình cảm, hiện nay hai bên không còn tình cảm, không còn phù hợp nhau về mọi mặt nên bà T đã đưa con đi thuê nhà ở riêng từ tháng 3/2022 đến nay.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà T đã sống ly thân ông H từ tháng 3/2022 đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Tại phiên tòa, bà T cương quyết xin được ly hôn ông H, còn ông H vắng mặt tại phiên tòa.

Theo lời trình bày của ông H trong quá trình chung sống vợ chồng sống với nhau thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã nhau chứ không có mâu thuẫn gì trầm trọng nên bà T xin ly thì ông không đồng ý ly hôn, vì ông vẫn còn tình cảm với bà T và các con đang còn nhỏ nên ông muốn trở về sống đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Việc ông H không đồng ý ly hôn nhân bản thân cũng không đưa ra được biện pháp gì nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà T trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình để nuôi dạy con cái trưởng thành. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông H được.

Qua điều tra, xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn H có thuê ở trọ nhà bà Trần Thị Huệ tại tổ 53 phường Hòa Q, quận Ngũ hành S, TP. Đà Nẵng năm 2021.

Trong quá trình chung sống với nhau thì hai vợ chồng không có gì mâu thuẫn cả, vợ chồng sống hòa thuận với làng xóm.

Hiện nay bà T đã đem con đi thuê trọ ở nơi khác nhưng buổi tối thì ông H chở các con về ngủ cùng, buổi sáng ông H lại chở các con cho bà T.

Tại phiên tòa, vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đã nêu lên những luận chứng của mình và đề nghị Hội đồng xét xử; chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Trần Văn H và giao hai con Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 28/3/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 27/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Qua ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, xét thấy có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn H thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Trần Văn H để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- **Về con chung:** Vợ chồng bà T và ông H có hai con chung tên Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 28/3/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 27/10/2013. Ly hôn, bà T xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Còn ông H xin được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu H1 và cháu H2 hiện còn nhỏ nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo cho sự phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ đối với con; hơn nữa cả hai cháu H1 và H2 cũng có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của hai cháu, Hội đồng xét xử xét cần giao hai cháu Trần Thị Thanh H1 và Trần Văn H2 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- **Về tài sản chung:** Tại phiên tòa bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- **Về nợ chung:** Bà T xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim T đối với ông Trần Văn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao hai con Trần Thị Thanh H1, sinh ngày 28/3/2012 và Trần Văn H2, sinh ngày 27/10/2013 cho bà Nguyễn Thị Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0001246 ngày 25/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND P.Hòa Q, Q.Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lâm